

Bản án số: 12/2019/KDTM - ST

Ngày: 23-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Thuận

Bà Phạm Thị Thu Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Thuận An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-KDTM, ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T(gọi tắt là VPBANK); trụ sở: Phường L, quận Đ, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ủy quyền cho ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH quản lý tài sản Ngân hàng T kiêm Phó Giám đốc Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Nguyễn Thành Tr1 và ông Nguyễn Ngọc L– Chuyên viên xử lý nợ Miền Nam; địa chỉ liên hệ: Phường a, Quận b, Thành phố H1 (theo văn bản ủy quyền số 31298/2019/UQ-PGD ngày 14/8/2019), có mặt

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH G; trụ sở: khu phố B, phường B1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương,

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Thị Mỹ L2– Giám đốc, vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Thị Mỹ L2, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Đ1, xã B, huyện H3, Thành phố H2, vắng mặt

3.2. Ông Trần Kh, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp H4, xã H5, huyện C, tỉnh Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH G đã ký kết 02 hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng T, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 vay 700.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua gỗ cho đối tác; lãi suất trong hạn: 19.35% cố định 03 tháng đầu, điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (Điều 5 hợp đồng tín dụng); lãi phạt chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày (Khoản 3, Điều 7 hợp đồng tín dụng).

Ngày 28/10/2016, bà Huỳnh Thị Mỹ L2 và ông Trần Kh đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0082/HDBL với nội dung bà Huỳnh Thị Mỹ L2 và ông Trần Kh đồng ý bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay mà Công ty TNHH G đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 bằng toàn bộ tài sản của mình.

Công ty TNHH G đã được giải ngân toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng thể hiện thông qua Khế ước nhận nợ số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016.

- Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 ngày 11/01/2017 lập theo Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số SME/BDG/17/0008/HDNT ngày 09/01/2017. Theo đó, VPBANK cho Công ty TNHH G vay 1000.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh trả góp định kỳ, bổ sung vốn để mở rộng, phát triển kinh doanh (Điều 1 hợp đồng tín dụng); lãi suất trong hạn: 18.35%, điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (Điều 5 hợp đồng tín dụng); lãi phạt chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày (Khoản 3, Điều 7 hợp đồng tín dụng).

Ngày 09/01/2017, bà Huỳnh Thị Mỹ L2 và ông Trần Kh đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0008/HDBL với nội dung bà Huỳnh Thị Mỹ L2 và ông Trần Kh đồng ý bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay mà Công ty TNHH G đã ký kết theo Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 ngày 11/01/2017 bằng toàn bộ tài sản của mình.

Công ty TNHH G đã được giải ngân toàn bộ số tiền 1000.000.000 đồng thể hiện thông qua Khế ước nhận nợ số SME/BDG/17/0008/HĐTD-01 ngày 11/01/2017.

Quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Thời điểm vi phạm thỏa thuận dẫn đến nợ quá hạn của hai hợp đồng tính từ ngày 02/4/2018. Ngân hàng VP Bank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty TNHH G để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH G cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Do đó, ngân hàng VPBank khởi kiện yêu cầu như sau:

Buộc Công ty TNHH G phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số tiền nợ còn thiếu của hai hợp đồng tạm tính đến hết ngày 23/9/2019 là 1.315.599.359 đồng,

gồm: Nợ gốc là 880.960.501 đồng; nợ lãi: 434.638.858 đồng (lãi trong hạn: 28.776.890 đồng; lãi quá hạn: 405.861.968 đồng).

Buộc Công ty TNHH G phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp Công ty TNHH G không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì buộc bà Huỳnh Thị Mỹ L2 và ông Trần Kh phải liên đới thanh toán toàn bộ khoản nợ trên theo thỏa thuận tại các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH G, do bà Huỳnh Thị Mỹ L2 là người đại diện theo pháp luật, bà L2 đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 175, Điều 179, Điều 198, Điều 208, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà Huỳnh Thị Mỹ L2 không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kh trình bày: Ông Trần K không biết bất cứ thông tin gì về việc Công ty TNHH G ký kết hợp đồng tín dụng với VPBANK, đồng thời ông cũng không ký kết bất kỳ hợp đồng bảo lãnh nào với VPBANK để bảo lãnh cho khoản vay của Công ty TNHH G. Ông Trần K xác định ông không ký vào bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc vay mượn trên. Ông Trần K không yêu cầu độc lập trong vụ án và có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kh chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Mỹ L2 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu tài liệu có tại hồ sơ vụ án, thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH G, có trụ sở tại 16/6 khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương thanh toán cho VPBank số tiền còn nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng ký kết giữa VPBANK và Công ty TNHH G. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 3, Điều 26; Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ để bị đơn Công ty TNHH G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Mỹ L2 tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, không ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng cũng không có ý kiến trình bày. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Mỹ L2 theo quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và xem như bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L2 đã từ bỏ quyền chứng Trần K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Kh có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần K theo Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Do Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ký kết ngày 28/10/2016 nên sẽ áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết; Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 ký kết ngày 11/01/2017 nên sẽ áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn: Ngày 28/10/2016 VPBANK cho Công ty TNHH G vay số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng theo Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD và ngày 11/01/2017, VPBANK tiếp tục cho Công ty TNHH G vay số tiền 1000.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng theo Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 Công ty TNHH G đã được giải ngân toàn bộ số tiền trên thể hiện thông qua các Khế ước nhận nợ số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 và Khế ước nhận nợ số SME/BDG/17/008/HĐTD-01 ngày 11/01/2017. Quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt và không có ý kiến, yêu cầu theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng Trần K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, có cơ sở xác định giữa VPBANK và Công ty TNHH G có xác lập hai Hợp đồng tín dụng nêu trên. Công ty TNHH G đã nhận đủ số tiền giải ngân theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên phát sinh từ các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng nêu trên và lịch sử thanh toán của Công ty TNHH G tại VPBANK thể hiện: Từ ngày 02/4/2018 đến khi xét xử vụ án, Công ty TNHH G không thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mặc dù đã được VPBANK nhiều lần đôn đốc. Tính đến thời điểm xét xử (23/9/2019), Công ty TNHH G còn nợ VPBANK số tiền nợ gốc của hai hợp đồng trên là 880.960.501 đồng. Do đó, VPBANK khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH G trả số tiền nợ gốc 880.960.501 đồng là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

[2.2.1] Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016, lãi suất trong hạn 19.35% cố định 03 tháng đầu, điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (Điều 5 hợp đồng tín dụng); lãi phạt chậm trả =

số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày (Khoản 3, Điều 7 hợp đồng tín dụng).

Theo hợp đồng này, Công ty TNHH G chỉ mới thanh toán cho VPBANK số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 23/9/2019 là 138.132.542; số tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử là 169.471.018 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 10.847.505 đồng; lãi quá hạn là 158.623.513 đồng).

[2.2.2] Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD-01 ngày 11/01/2017, lãi suất trong hạn: 18.35%, điều chỉnh 03 tháng một lần; lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn (Điều 5 hợp đồng tín dụng); lãi phạt chậm trả = số tiền chậm trả x số ngày chậm trả x 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng tại thời điểm quá hạn/30 ngày (Khoản 3, Điều 7 hợp đồng tín dụng).

Theo hợp đồng này, Công ty TNHH G chỉ mới thanh toán cho VPBANK số tiền lãi trong hạn tính đến ngày 23/9/2019 là 178.928.610; số tiền lãi còn nợ tính đến ngày xét xử là 265.167.840 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 17.929.385 đồng; lãi quá hạn là 247.238.455 đồng).

Xét thấy, việc thỏa thuận thanh toán tiền lãi của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại; Khoản 2, Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn (theo bảng kê chi tiết của VPBANK) là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn Công ty TNHH G phải trả cho VPBANK đối với cả hai hợp đồng nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm là nợ lãi: 434.638.858 đồng (lãi trong hạn: 28.776.890 đồng; lãi quá hạn: 405861968 đồng).

[2.3] Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi của cả hai hợp đồng mà Công ty TNHH G phải thanh toán cho VPBANK tính đến thời điểm xét xử là 1.315.599.359 đồng.

Tại Khoản 1, 2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng có quy định bên vay (Công ty TNHH G) phải thanh toán cho VPBANK tiền gốc và lãi theo đúng thời hạn quy định tại Khế ước nhận nợ, Công ty TNHH G không tiếp tục trả nợ là vi phạm điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngoài ra, do Công ty TNHH G nợ tiền của VPBANK đã lâu, kéo dài sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của VPBANK nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH G phải trả một lần ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kh cho rằng không biết về việc Công ty TNHH G ký kết Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 vay số tiền 700.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 ngày 11/01/2017 vay số tiền 1.000.000.000 đồng, đồng thời xác định không ký bảo lãnh cho 02 hợp đồng tín dụng nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Trước khi thực hiện việc ký kết 02 hợp đồng tín dụng nêu trên với VPBANK, Công ty TNHH G đã mở phiên họp Hội đồng thành viên thống nhất việc nhận cấp tín dụng từ VPBANK với các số tiền tương ứng với các hợp đồng tín dụng nêu trên. Tất cả các biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 17/10/2016 và 05/01/2017 đều có đầy đủ chữ ký của ông Trần K

và bà L2. Bên cạnh đó, tại các Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0082/HDBL ngày 26/10/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0008/HDBL ngày 09/01/2017 cũng có đầy đủ chữ ký, chữ viết của ông Trần K, bà L2. Do đó, ông Trần K cho rằng ông Trần K không biết việc Công ty TNHH G ký kết hợp đồng tín dụng và ông Trần K không ký các hợp đồng bảo lãnh cho các khoản vay trên là không phù hợp. Quá trình tố tụng, Tòa án đã giải thích về quyền của ông Trần K trong việc yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết nhưng ông Trần K từ chối giám định. Do đó, ý kiến của ông Trần K là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0082/HDBL ngày 26/10/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số SME/BDG/16/0008/HDBL ngày 09/01/2017, ông Trần Kh và bà Huỳnh Thị Mỹ L2 đồng ý bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty TNHH G) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 và Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 ngày 11/01/2017 khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp Điều 361, 363, 369 Bộ luật Dân sự 2005 (tương ứng Điều 335, 336 Bộ luật Dân sự năm 2015). Do đó, nguyên đơn yêu cầu trường hợp Công ty TNHH G không trả hoặc trả không đầy đủ tất cả khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác Trần K tài sản riêng của ông Trần Kh và bà Huỳnh Thị Mỹ L2 để phát mãi thu hồi nợ là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Tđổi với bị đơn Công ty TNHH G.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3, Điều 26; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điểm a, Khoản 1, Điều 39; Khoản 1, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 361; 363; 369; 471; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; tương đương các Điều 335; 336; 463; Khoản 1, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2, Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Tđổi với bị đơn Công ty TNHH G về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty TNHH G phải có trách nhiệm thanh toán một lần cho Ngân hàng Tsố tiền nợ tính đến ngày 23/9/2019 là 1.315.599.359 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 880.960.501 đồng; nợ lãi: 434.638.858 đồng (lãi trong hạn: 28.776.890 đồng; lãi quá hạn: 405861968 đồng).

2. Buộc Công ty TNHH G tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Tiền lãi suất phát sinh từ ngày 24/9/2019 đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Lãi suất từ ngày 24/9/2019 trở đi được tính trên dư nợ gốc thực tế theo từng hợp đồng theo mức lãi suất quy định tương ứng tại các Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 kèm Khế ước nhận nợ số SME/BDG/16/0082/HĐTD ngày 28/10/2016 và Hợp đồng tín dụng số SME/BDG/17/008/HĐTD -01 ngày 11/01/2017 kèm Khế ước nhận nợ số SME/BDG/17/008/HĐTD-01 ngày 11/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng Tới Công ty TNHH G.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty TNHH G không thanh toán hoặc thanh toán không hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng Thì Ngân hàng Tcó quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền xác Trần K tài sản riêng của bà Huỳnh Thị Mỹ L2và ông Trần Kh để phát mãi thu hồi nợ.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH G phải chịu số tiền 51.467.980 đồng)

Trả lại cho Ngân hàng Tsố tiền 22.720.433 đồng (hai mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0035331 ngày 28/5/2019 (do ông Đỗ Nguyễn Thành Tr1nộp) của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tô Uyên